

MỘT SỐ ĐIỂM ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH TẠI ĐIỀU LỆ

STT	Điều/Khoản/Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
1.	I	Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	Giải thích từ ngữ trong Điều lệ	Cách diễn giải mới phù hợp hơn với nội dung của mục I.
2.	Tiêu đề Điều 3 và Khoản 1 Điều 3	Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là các lĩnh vực mà pháp luật không cấm kinh doanh, trong đó tập trung vào lĩnh vực phục vụ hàng hóa hàng không, đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ logistics khác, dịch vụ phi hàng không (nhà hàng, khách sạn, thương mại,...).	Điều 3: Mục tiêu hoạt động, ngành, nghề kinh doanh của Công ty 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là các ngành, nghề mà pháp luật không cấm kinh doanh, trong đó tập trung vào lĩnh vực phục vụ hàng hóa hàng không, đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ logistics khác, dịch vụ phi hàng không (nhà hàng, khách sạn, thương mại,...). Chi tiết ngành, nghề kinh doanh nêu tại Phụ lục đính kèm Điều lệ này.	Thể hiện ngành nghề là 1 trong những nội dung bắt buộc phải có trong Điều lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 25 LDN. Ngành nghề cũng là 1 nội dung thuộc thẩm quyền thông qua của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điểm b khoản 1 Điều 144 Luật Doanh nghiệp
3.	Tiêu đề Chương II và Điều 2	II. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của công ty Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của công ty 4. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty	I. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY Điều 1. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	Chỉnh sửa tên phù hợp với quy định tại Điều lệ mẫu (ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC) Bỏ khoản 4 Điều 2 Điều lệ cũ
4.	Khoản 4 Điều 2 về người đại diện theo pháp luật	Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của công ty 4. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	Bỏ khoản 4 Điều 2 Điều lệ cũ và tách hẳn thành 1 Điều riêng về người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ mẫu (ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC)
5.	Khoản 1 Điều 4 về phạm vi	Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của	Chỉnh sửa khoản 1 Điều 4 Điều lệ cũ phù

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
	kinh doanh và hoạt động của Công ty	động 1. Công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty	Công ty 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	hợp với quy định tại Điều lệ mẫu (ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC)
6.	Điều 5 về vốn điều lệ, cổ phần	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần 1. Vốn điều lệ của Công ty là 270.000.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi tỷ đồng), được chia thành 27.000.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần (mười nghìn đồng trên một cổ phần).	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 1. Vốn điều lệ của Công ty là 505.000.000.000 đồng (năm trăm linh năm tỷ đồng), được chia thành 50.500.000 (Năm mươi triệu năm trăm nghìn) cổ phần phổ thông, mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần (mười nghìn đồng trên một cổ phần). 2. Vốn điều lệ của Công ty theo Điều lệ này được tự động cập nhật thay đổi khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện thủ tục thay đổi vốn điều lệ với cơ quan đăng ký kinh doanh phù hợp với các quy định của pháp luật. 8. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 2 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.	- Cập nhật vốn Điều lệ hiện hành của Công ty. - Bổ sung thêm khoản 2 Điều 6 để có thể cập nhật sự thay đổi vốn điều lệ của Công ty một cách liên tục. - Bổ sung thêm khoản 8 về cổ đông sáng lập phù hợp với Điều lệ mẫu
7.	Điều 6. Cổ phiếu	Điều 6. Cổ phiếu 1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. 2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút	Chỉnh sửa lại toàn bộ điều phù hợp Điều lệ mẫu

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>2. Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ thì chứng chỉ phải có dấu của Công ty, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, thông tin về người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần hoặc thời hạn khác quy định tại phương án phát hành cổ phần của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới sẽ ghi nhận số cổ phần còn lại.</p> <p>5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị mất hoặc bị tiêu hủy, cổ đông đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần</p>	<p>toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ thì chứng chỉ phải có dấu của Công ty, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, thông tin về người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần hoặc thời hạn khác quy định tại phương án phát hành cổ phần của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu.</p> <p>5. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới sẽ ghi nhận số cổ phần còn lại.</p> <p>6. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị mất hoặc bị huỷ hoại, người sở hữu cổ phiếu có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Cổ đông đề nghị cấp chứng chỉ cổ phiếu mới phải cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Công ty về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Cổ đông đề nghị cấp chứng chỉ cổ phiếu mới phải cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Công ty về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.		
8.	Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	<p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền mua cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán.</p>	<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p>	Bổ sung “...và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật” ở khoản 2 Điều 9 theo Điều lệ mẫu
9.	Điều 11. Quyền của cổ đông	<p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>.....</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:...</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>...</p> <p>2.</p> <p>g...</p> <p>i. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:...</p>	<p>- Bổ sung điểm i và j khoản 2 Điều 11 theo điều lệ mẫu</p> <p>- Bổ khoản 3 Điều 11 Điều lệ cũ</p> <p>- Khoản 4 Điều 11: Chính sửa tỉ lệ sở hữu cổ phần của nhóm cổ đông từ 10% xuống 5% theo Điều lệ mẫu.</p>

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
10.	Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thanh toán đủ, đúng thời hạn số tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và thông báo cho Công ty nếu các thông tin cá nhân, địa chỉ của cổ đông có sự thay đổi.</p> <p>4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>4. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p> <p>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.</p>	Chỉnh sửa lại thứ tự khoản trong Điều này và bổ sung thêm 1 khoản: khoản 4 trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty và chỉnh sửa lại câu chữ ở khoản 4 cũ về thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định
11.	Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. ...</p> <p>2. Việc ủy quyền</p>	<p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội</p>	- Chỉnh sửa bổ sung khoản 2, 3, 4 phù hợp với Điều lệ mẫu

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>3. ...</p> <p>4. ...Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)</p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Người ủy quyền bị chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành 	

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>vi dân sự.</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người được ủy quyền.</p> <p>Khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu khoản này từ 48 giờ trở lên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
12.	Điều 16. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 16. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>...</p> <p>c. ...bỏ vào hòm thư).</p>	<p>Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông có quyền dự họp không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp (tức giấy mời họp) theo quy định tại khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp (tính từ</p>	Chỉnh sửa bổ sung thêm vào khoản 2 Điều 17 phù hợp với Điều lệ mẫu

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p>	
13.	Điều 18. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 18. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p>	Bổ sung mới khoản 2, 5 theo Điều lệ mẫu và thay đổi trật tự các khoản trong Điều
14.	Điều 19. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 19. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. ...</p> <p>3. ...</p>	Điều 20. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ [51%] trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p>	Chỉnh sửa lại toàn bộ nội dung điều theo Điều lệ mẫu

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		<p>4. ...</p> <p>5. ...</p> <p>6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua bằng hình thức đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	<p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc).</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ [65%] trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	
15.	Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị	<p>Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội</p>	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông</p>	Chỉnh sửa khoản 2: thời hạn gửi từ 10 lên 15 ngày theo điều lệ mẫu

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
	quyết của Đại hội đồng cổ đông	đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 và 4 Điều 16 Điều lệ này.	có quyền biểu quyết chậm nhất mười lăm (15) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến, yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này.	
16.	Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p>6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm theo chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>- Gộp khoản 3 và 4;</p> <p>- Chính sửa khoản 6: thêm “văn bản ủy quyền dự họp”</p>
17.	Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày,</p> <p>1. ...</p> <p>2. ... Điều lệ công ty.</p>	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, ...</p> <p>a. ...</p> <p>b. ...</p>	Bổ sung thêm theo Điều lệ mẫu

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng [45] ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.	
18.	Điều 24. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 24. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; c. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại; d. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; e. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; f. Quyết định việc mua lại cổ phần đã được chào bán của Công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm h khoản 1 Điều 15 Điều lệ này; g. Quyết định giá mua lại cổ phần đã chào bán của Công ty theo quy định tại khoản 2 điều 130 Luật	- Chính sửa lại câu chữ trong khoản 2;

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>Doanh nghiệp.</p> <p>h. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>i. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>j. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d, k khoản 1 Điều 15 Điều lệ này;</p> <p>k. Quyết định đầu tư tài sản hoặc bán tài sản có giá trị từ 2 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.</p> <p>l. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc; ký hợp đồng lao động, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông, đề cử ứng viên tham gia làm kiểm soát viên ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đại diện theo ủy quyền này;</p> <p>m. Giám sát, chỉ đạo Người điều hành Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>n. Quyết định cơ cấu tổ chức, Quy chế tổ chức và hoạt</p>	

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>động của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>p. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>q. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>r. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>s. Quyết định việc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại các công ty khác;</p> <p>t. Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán trong danh sách các công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;</p> <p>u. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>v. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p>	<p>- Bỏ khoản 3 cũ, chuyển sang Điều 31. Cuộc họp HĐQT; thêm khoản 3 mới theo Điều lệ mẫu, có điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại Quy chế nội bộ cũ của</p>

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 1 tỷ (một tỷ) đồng Việt Nam nhưng không quá 35% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính riêng lẻ tại thời điểm gần nhất hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm nhưng nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính riêng lẻ tại thời điểm gần nhất;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</p> <p>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của</p>	Công ty.

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			Công ty; k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch khác mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động do Hội đồng quản trị ban hành.	
19.	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị (bổ sung mới)		Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	Thêm mới điều khoản theo Điều lệ mẫu: Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị
20.				Sắp lại thứ tự các điều cho phù hợp. Điều về chủ tịch HĐQT xếp ngay sau Điều về quyền và nghĩa vụ của HĐQT
21.	Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị Bên cạnh các ... 1. ...	Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	Thay đổi thứ tự Điều Bỏ khoản 1 Điều 28 trong Điều lệ cũ
22.	Điều 29 về cuộc họp HĐQT	Điều 29 về cuộc họp HĐQT 17. Hội đồng quản trị có thể thành lập ... thành viên Hội đồng quản trị.	Điều 31 về cuộc họp HĐQT: 9. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.	- Bỏ khoản 17 Điều 29 Điều lệ cũ; - Thêm mới khoản 9 “HĐQT thông qua ...có một phiếu biểu quyết” và thay đổi trật tự các khoản sau đó.
23.	Bổ sung 02 Điều mới: Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng		Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên	Bổ sung mới Điều 32 và 33 theo Điều lệ mẫu, Mục Thư ký Công ty chuyển về Điều 33.

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
	quản trị Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty (Mục Thư ký Công ty chuyển về Điều 32)		<p>của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty đồng thời là Thư ký Công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài</p>	

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>chính của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp</p>	

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			luật và Điều lệ công ty.	
24.	Điều 36. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc	Điều 36. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc ...	Điều 34. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được. 2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty. 3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. 4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi	Tách Điều 36 và sắp xếp lại Điều, thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT và Tổng giám đốc tách ra và trả về phần tương ứng

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị .	
25.	VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC Tiêu đề Chương, bổ sung mới 02 Điều	VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC	VIII. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc là người điều hành Công ty, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị. Điều 35. Người điều hành Công ty 1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng các Phó Tổng giám đốc để điều hành Công ty với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức. 2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.	Đổi tiêu đề chương; Bổ sung thêm 02 Điều: Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý và Điều 36. Người điều hành Công ty;
26.	IX. Thư ký Công ty			Bỏ quy định tại Chương này, gộp vào

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
	Bỏ quy định này			Điều 33. Người phụ trách quản trị Công ty phù hợp với Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng (Người phụ trách quản trị công ty đồng thời là Thư ký công ty)
27.	X. Ban kiểm soát Bổ sung mới		<p>Điều 39. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	Bổ sung mới điều khoản này phù hợp với Điều lệ mẫu
28.	Điều 34. Thành viên Ban kiểm soát	<p>Điều 34. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>5. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát theo nguyên tắc sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa hai (02) ứng viên.</p>	<p>Điều 41. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>5. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát theo nguyên tắc sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90%</p>	Sửa lại Khoản 5 Điều 34 phù hợp với Điều lệ mẫu

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	
29.	Điều 37. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên	Điều 37. Tiền lương và lợi ích khác của Ban Kiểm soát Công ty có ... thường niên.	Điều 42. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên 1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương/ thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. 2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 3. Tiền lương/ thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	Thay đổi trật tự điều và Chương phù hợp và chỉnh sửa theo Điều lệ mẫu
30.	X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường Điều 35. Hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận	X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Điều 43. Trách nhiệm can trọng 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội	Thêm 01 Chương về trách nhiệm của HĐQT, KSV, TGD và Phó TGD Bỏ Điều 35. Hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận Thêm 02 Điều: Điều 43. Trách nhiệm can trọng và Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
	(bổ sung mới)		<p>đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm</p>	

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan</p>	

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý Công ty khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành</p>	<p>Chỉnh sửa bổ sung Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường theo Điều lệ mẫu vào Điều 45</p>

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
			<p>viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>	
31.	Điều 40. Phân phối lợi nhuận	<p>Điều 40. Phân phối lợi nhuận</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân</p>	<p>Điều 47. Phân phối lợi nhuận</p> <p>4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi</p>	<p>Bỏ Khoản 2 Điều 40</p> <p>Chỉnh sửa khoản 5 Điều 40, cụ thể thêm câu chữ “...Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng</p>

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng.	tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.	khoán Việt Nam”.
32.	XV. Công khai thông tin	<p>XV. Công khai thông tin</p> <p>Điều 45. Công khai thông tin</p> <p>1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tới các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.</p> <p>2. Các thông tin sau đây phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty:</p> <p>a. Điều lệ.</p> <p>b. Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc.</p> <p>c. Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>d. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>3. Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi Công ty có Trụ sở chính trong vòng 03 ngày kể</p>	<p>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</p> <p>Điều 52. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <p>1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở</p>	Bỏ Chương này và gộp vào Chương XV. XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, chỉnh sửa theo Điều lệ mẫu

STT	Điều/Khoản/ Điểm	Nội dung hiện hành	Kiến nghị sửa đổi	Lý do/cơ sở pháp lý
		từ khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (nếu có).	<p>giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p> <p>Điều 53. Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
33.	XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY Điều 46. Kiểm toán	<p>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</p> <p>Điều 46. Kiểm toán</p> <p>1. Trên cơ sở đề xuất ... của pháp luật.</p> <p>2. Công ty ... năm tài chính.</p>	<p>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</p> <p>Điều 54. Kiểm toán</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo</p>	Gộp và chỉnh sửa Khoản 1 và 2 Điều 46 theo Điều lệ mẫu

[illegible]